

**BỘ NỘI VỤ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /TTr-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

(dự thảo)

**TỜ TRÌNH**

**Về dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 48/QĐ-TTg ngày 03/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2023 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, trình Chính phủ trong tháng 5 năm 2023, Bộ Nội vụ đã phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế để thay thế Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế (sau đây viết tắt là Nghị định số 108/2014/NĐ-CP), Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định số 113/2018/NĐ-CP) và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP; gửi lấy ý kiến tham gia của các cơ quan Trung ương (Ban Tổ chức Trung ương, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, Văn phòng Quốc hội, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ), Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nội vụ để xin ý kiến nhân dân, các tổ chức và cá nhân có liên quan. Trên cơ sở ý kiến tham gia của ... cơ quan Trung ương và ... địa phương, Bộ Nội vụ đã tổng hợp, tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Văn bản số.... ngày ... /... /2023, Bộ Nội vụ đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo Nghị định, trình Chính phủ như sau:

## **I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH THAY THẾ NGHỊ ĐỊNH SỐ 108/2014/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 113/2018/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 143/2020/NĐ-CP**

1. Thực hiện chủ trương tiếp tục tinh giản biên chế tại Kết luận số 64-KL/TW ngày 28/5/2013 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XI một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở (sau đây gọi tắt là Kết luận số 64-KL/TW), Chính phủ đã ban hành Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 về chính sách tinh giản biên chế (sau đây gọi tắt là Nghị định số 108/2014/NĐ-CP). Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 18-NQ/TW), Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 19-NQ/TW) và Bộ luật Lao động năm 2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP. Sau 08 năm thực hiện, kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế như sau:

### a) Về kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế

Theo số liệu thẩm tra tinh giản biên chế đến ngày 15/10/2018 và số liệu kiểm tra tinh giản biên chế đến 30/6/2022 của Bộ Nội vụ thì số liệu tinh giản biên chế của các Bộ, ngành, địa phương đến nay là 79.024 người (Bộ ngành: 5.510 người; địa phương: 73.5134 người), cụ thể:

Nếu tính theo đối tượng áp dụng thì số viên chức nghỉ tinh giản biên chế cao nhất (tỷ lệ 66,115% ); cán bộ, công chức cấp xã (tỷ lệ 19,020%) và thấp nhất là người làm việc tại khu vực doanh nghiệp (tỷ lệ 0,216% ; người làm việc tại các Hội (chiếm tỷ lệ 0,230%).

Nếu tính theo lý do tinh giản biên chế thì tinh giản biên chế do đánh giá hàng năm không hoàn thành nhiệm vụ cao nhất (tỷ lệ 52,712%); do chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo (chiếm tỷ lệ là 15,684%); dôi dư do sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự, đơn vị hành chính (tỷ lệ là 15,447%) và thấp nhất là do sức khỏe không đảm bảo tỷ lệ là 3,746% ).

Nếu tính theo chính sách được hưởng thì đối tượng hưởng chính sách về

hưu trước tuổi cao nhất (tỷ lệ 81,813%); chính sách thôi việc ngay (tỷ lệ 18%); chính sách chuyển chuyển sang làm việc tại các tổ chức không hưởng lương thường xuyên từ ngân sách nhà nước (tỷ lệ 0,115%) và thấp nhất là chính sách thôi việc sau khi đi học nghề (tỷ lệ 0,072%).

#### b) Mặt được

- Chính sách tinh giản biên chế được ban hành tạo cơ sở pháp lý để áp dụng chế độ, chính sách đối với đối tượng tinh giản biên chế nhằm cơ cấu lại, nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, tiết kiệm giảm chi thường xuyên, cải cách chính sách tiền lương.

- Các Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP đã quy định rõ về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; nguyên tắc; trình tự thủ tục giải quyết tinh giản biên chế, tạo điều kiện điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc giải quyết chế độ, chính sách đối với đối tượng tinh giản biên chế; đồng thời đã phân cấp cho các Bộ, ngành, địa phương chủ động trong việc thực hiện tinh giản biên chế.

#### c) Hạn chế, tồn tại

- Kết quả tinh giản biên chế giai đoạn 2015-2021 tuy đạt về chỉ tiêu số lượng nhưng chưa thực sự gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Có ý kiến cho rằng việc tinh giản biên chế trong thời gian qua chủ yếu giảm số người về hưu, thôi việc, nghỉ việc, chỉ giảm những người tinh (có đủ năng lực tham gia khu vực tư) mà chưa thực sự gắn với việc đánh giá xếp loại hoàn thành công việc. Bên cạnh đó có những trường hợp cán bộ, công chức, viên chức tự nguyện muốn nghỉ hưu, thôi việc nhưng lại không thuộc đối tượng tinh giản biên chế nên họ lựa chọn làm việc với hiệu quả làm việc không cao để “được” đánh giá xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ để thực hiện tinh giản biên chế. Thực trạng như vậy vừa gây ảnh hưởng đến tính hiệu quả của hoạt động công vụ, vừa gây lãng phí ngân sách nhà nước.

- Chính sách tinh giản biên chế được quy định tại 03 Nghị định; đồng thời, Thông tư hướng dẫn đã hết hiệu lực nhưng chưa có Thông tư thay thế nên khó khăn trong việc trích dẫn và triển khai thực hiện.

- Công tác rà soát, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức hàng năm của một số cơ quan, tổ chức, đơn vị vẫn là khâu yếu, chưa chặt chẽ, khách quan; còn nể nang; do đó việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế đối với các trường hợp có năng lực hạn chế chưa đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm hiện đảm nhiệm

chưa thực sự hiệu quả.

c) Nguyên nhân khách quan, chủ quan của hạn chế, tồn tại

- Công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, thời gian qua tuy đã có nhiều chuyển biến tích cực nhưng vẫn là “khâu yếu, chưa phản ánh đúng thực chất, chưa gắn với kết quả, sản phẩm cụ thể, không ít trường hợp còn cảm tính, nể nang, dễ dãi hoặc định kiến. Do việc đánh giá xếp loại cán bộ, công chức, viên chức chưa đúng thực chất nên việc triển khai áp dụng chính sách tinh giản biên chế ở nhiều nơi chưa đúng mục tiêu đưa ra khỏi đội ngũ những người không đủ tiêu chuẩn, điều kiện và không đáp ứng được yêu cầu công việc nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức; thậm chí có nhiều trường hợp còn xin “được” không hoàn thành nhiệm vụ để thực hiện chính sách tinh giản biên chế, vừa gây ảnh hưởng đến tính hiệu quả của hoạt động công vụ, vừa gây lãng phí ngân sách nhà nước.

- Việc xác định vị trí việc làm là cơ sở để tuyển dụng, bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức chưa có quy định, chưa hướng dẫn đồng bộ dẫn đến khó khăn trong thực hiện. Chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức chậm được đổi mới, chưa khuyến khích họ phát huy hết năng lực, tâm huyết với công việc.

d) Đề xuất, kiến nghị

Các Bộ, ngành, địa phương kiến nghị xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định về tinh giản biên chế để thay thế 03 Nghị định nêu trên cơ sở kế thừa các chính sách hiện hành, nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế và sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với chủ trương của Đảng, của pháp luật hiện hành.

2. Trong thời gian qua có một số quy định của Đảng và của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được ban hành có liên quan đến chính sách tinh giản biên chế, cụ thể như sau:

a) Kết luận số 08-KL/TW ngày 15/6/2021 của Bộ Chính trị về tuổi bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, trong đó đã thống nhất lấy tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo quy định tại Bộ luật Lao động năm 2019 (sau đây gọi tắt là kết luận số 08-KL/TW) và Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu (sau đây gọi tắt là Nghị định số 135/2020/NĐ-CP) để làm căn cứ xác định điều kiện về tuổi bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

b) Thông báo số 20-KL/TW ngày 08/9/2022 của Bộ Chính trị về chủ trương bố trí công tác đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý sau khi

bị kỷ luật (sau đây gọi tắt là Thông báo số 20-KL/TW), trong đó có chủ trương cán bộ sau khi từ chức, miễn nhiệm, nếu xin tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi hoặc xin nghỉ công tác thì cấp có thẩm quyền xem xét miễn nhiệm theo nguyện vọng.

c) Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiếp tục thực hiện chủ trương, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15), đã đánh giá công tác bố trí, sắp xếp, giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính còn lúng túng, số lượng người dôi dư cần tiếp tục giải quyết còn nhiều. Một trong những vướng mắc, bất cập nêu trên là do các cơ chế tài chính hiện hành chưa thực sự phù hợp và đủ mạnh để có thể khuyến khích, hỗ trợ một cách thỏa đáng cho cán bộ, công chức, viên chức dôi dư nghỉ việc ổn định đời sống, tạo việc làm mới. Do vậy, nhiệm vụ, giải pháp là tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật phục vụ việc sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2022-2030 là nghiên cứu, ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật khác có liên quan đến việc sắp xếp đơn vị hành chính để tạo thuận lợi cho các địa phương kiện toàn tổ chức bộ máy, sắp xếp, bố trí công tác cán bộ; có chính sách ưu đãi, khuyến khích phù hợp theo hướng khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức dôi dư nghỉ việc ngay.

d) Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 (sau đây gọi tắt là Kết luận số 48-KL/TW), đã đánh giá việc sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2019-2019 còn một số hạn chế như chưa thực hiện tốt công tác bố trí, sắp xếp và giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức dôi dư và đề nghị giai đoạn 2023-2030 có quy định rõ việc sử dụng và lộ trình sắp xếp số lượng biên chế cán bộ, công chức và số lượng cấp phó của các đơn vị hành chính dôi dư sau sắp xếp.

Từ các quy định nêu trên, thì việc ban hành Nghị định mới thay thế Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP để thể chế hóa các chủ trương của Đảng, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội là cần thiết, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Mục đích**

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW và sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện,

cấp xã theo Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Kết luận số 48-KL/TW của Bộ Chính trị thì việc ban hành Nghị định quy định về tinh giản biên chế nhằm giải quyết chính sách đối với đối tượng tinh giản biên chế, đặc biệt là có chính sách đủ mạnh đối với đối tượng dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã nghỉ việc ngay.

## **2. Quan điểm**

Nội dung ban hành Nghị định quy định về tinh giản biên chế trên cơ sở kế thừa các quy định còn phù hợp tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP; thể chế hóa các chủ trương của Đảng, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và quy định của pháp luật nhằm giải quyết chế độ, chính sách đối với đối tượng tinh giản biên chế; khắc phục các tồn tại, hạn chế của các Nghị định quy định về chính sách tinh giản biên chế hiện hành.

## **III. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

Trên cơ sở báo cáo kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế, những kiến nghị, đề xuất về khó khăn, vướng mắc của Bộ, ngành, địa phương và trên cơ sở nguyên tắc, mục tiêu xây dựng dự thảo Nghị định nêu trên, Bộ Nội vụ đã rà soát 03 Nghị định quy định về chính sách tinh giản biên chế; đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế so với quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP. Các nội dung này đã gửi lấy ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương và được Bộ Nội vụ tổng hợp, tiếp thu, giải trình, gửi Bộ Tư pháp (Bộ Tư pháp đã có ý kiến góp ý tại văn bản số .... ngày ....).

## **IV. VỀ BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Về bố cục**

Dự thảo gồm 5 Chương và 24 Điều, bao gồm: Chương I những quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 5); Chương II quy định về chính sách tinh giản biên chế (từ Điều 6 đến Điều 12); Chương III quy định về trình tự, thời hạn giải quyết tinh giản biên chế (từ Điều 13 đến Điều 15); Chương IV quy định về trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện tinh giản biên chế (từ Điều 16 đến Điều 22) và Chương V quy định về điều khoản thi hành (Điều 23 và Điều 24).

### **2. Nội dung chính của dự thảo Nghị định**

#### **a) Về tên của dự thảo Nghị định**

Đề nghị sửa lại tên Nghị định này “Quy định về tinh giản biên chế” để phù hợp với phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Nghị định.

b) Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Để phù hợp với nội dung của dự thảo Nghị định, phạm vi điều chỉnh của Nghị định là quy định về đối tượng; chính sách; trình tự, thời hạn giải quyết và trách nhiệm trong thực hiện tinh giản biên chế ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị sau: (1) Các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến cấp xã; (2) Các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; (3) Các Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ và được Nhà nước bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao; (4) Công ty cổ phần có vốn góp của nhà nước nay được cấp có thẩm quyền bán hết phần vốn nhà nước.

c) Về đối tượng tinh giản biên chế (Điều 2)

Kế thừa quy định còn phù hợp tại 03 Nghị định nêu trên. So với quy định tại các Nghị định cũ, dự thảo đề nghị:

- Đối với đối tượng là lao động hợp đồng: Dự thảo đề nghị áp dụng đối với lao động hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập. Nghị định không áp dụng đối với lao động hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ tại các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, vì đối tượng này ký hợp đồng có thời gian không quá 12 tháng.

- Bỏ các đối tượng: (1) Lao động hợp đồng; (2) Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, kiểm soát viên trong các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước hoặc do tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội làm chủ sở hữu (không bao gồm Tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, kế toán trưởng làm việc theo chế độ hợp đồng lao động); (3) Người làm việc trong biên chế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao tại các hội.

- Bổ sung đối tượng người làm việc tại các quỹ tài chính ngoài ngân sách.

d) Về các trường hợp tinh giản biên chế (Điều 4)

Kế thừa quy định về các trường hợp tinh giản biên chế quy định tại 03 Nghị định về các trường hợp tinh giản biên chế. Dự thảo đề nghị:

- Bổ sung trường hợp là cán bộ, công chức, viên chức trong thời gian bị kỷ

luật một trong các hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo, tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý cho phù hợp chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Thông báo số 20-KL/TW;

- Đối với trường hợp cán bộ, công chức, viên chức chưa đạt trình độ đào tạo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm: Dự thảo đề nghị chỉ áp dụng quy định này đối với công chức, viên chức; riêng đối với cán bộ thì trong Đề án nhân sự để giới thiệu bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm nhân sự của mỗi nhiệm kỳ đã xác định rõ tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng và nhân sự cụ thể đề nghị không đặt vấn đề tinh giản biên chế đối với cán bộ chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ.

đ) Các trường hợp chưa giải quyết tinh giản biên chế (Điều 5)

Tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP quy định chưa xem xét giải quyết tinh giản biên chế đối với các trường hợp đang bị ốm đau, đang mang thai, nghỉ thai sản và nuôi con dưới 36 tháng để nhằm bảo vệ quyền lợi đối với cán bộ, công chức, viên chức. Tuy nhiên trong quá trình triển khai thực hiện, nhiều cá nhân có nguyện vọng tinh giản biên chế vì họ không đủ sức khỏe để làm việc. Theo đó, dự thảo đề nghị sửa đổi, nội dung này theo hướng chưa xem xét giải quyết tinh giản biên chế đối với các trường hợp này, trừ trường hợp cá nhân tự nguyện tinh giản biên chế.

e) Về chính sách về hưu trước tuổi (Điều 6)

Kế thừa quy định về thời gian đóng bảo hiểm xã hội để hưởng chính sách về hưu trước tuổi và các chế độ về hưu trước tuổi quy định tại Điều 1 Nghị định số 143/2020/NĐ-CP, dự thảo Nghị định này chỉ sửa đổi về tuổi hưởng chính sách về hưu trước tuổi để bảo đảm phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 219 Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và đảm bảo tương quan với tuổi bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử tại Kết luận số 08-KL/TW. Theo đó, cách tính tuổi nghỉ hưu trước tuổi được tính theo tuổi nghỉ hưu của cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II Nghị định số 135/2020/NĐ-CP; đồng thời, bổ sung chính sách về hưu trước tuổi đối với nữ cán bộ, công chức cấp xã có từ đủ 15 năm và dưới 20 năm đóng bảo hiểm xã hội và đủ tuổi đời hưởng chế độ hưu trí theo quy định của Nghị định số 135/2020/NĐ-CP đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 219 Bộ luật Lao động năm 2019.

g) Về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã nghỉ trong thời gian 06 tháng kể từ khi có quyết định sắp xếp của cơ quan có thẩm quyền (Điều 9)

Để thực hiện Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 và ý kiến của Bộ Chính trị tại Kết luận số 48-KL/TW cần ban hành chính sách đủ mạnh nhằm khuyến khích,



hỗ trợ một cách thỏa đáng đối với cán bộ, công chức, viên chức dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tự nguyện tinh giản biên chế ngay, dự thảo Nghị định đề nghị bổ sung Điều 9 mới quy định về chính sách đối với đối tượng dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã nghỉ trong thời gian 06 tháng kể từ khi có quyết định sắp xếp của cơ quan có thẩm quyền được hưởng mức trợ cấp như sau:

Cán bộ, công chức, viên chức dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, ngoài hưởng một trong các chính sách theo quy định thì được hưởng thêm mức trợ cấp như sau:

#### 1. Dự thảo đề nghị 02 phương án

**- Phương án 1:** Cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc lộ trình giải quyết cán bộ, công chức, viên chức dôi dư theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì được hưởng trợ cấp bằng 1.800.000 đồng (bằng 01 tháng lương cơ sở áp dụng từ 01/7/2023). Riêng đối tượng có số tháng nghỉ trước so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II Nghị định số 135/2020/NĐ-CP thấp hơn so với lộ trình giải quyết cán bộ, công chức, viên chức dôi dư theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì số tháng được hưởng trợ cấp được tính bằng số tháng nghỉ trước so với tuổi nghỉ hưu nêu trên.

+ Ưu điểm: Ngoài trợ cấp tinh giản được hưởng thì mỗi người được thêm một mức trợ cấp bằng nhau. Nếu lộ trình giải quyết dôi dư là 05 năm thì tối đa mỗi người được hưởng thêm mức trợ cấp là 108.000.000 đồng (60 tháng x 108.000.000 đồng).

+ Nhược điểm: Mức trợ cấp chưa đủ lớn để khuyến khích đối tượng dôi dư nghỉ trước lộ trình giải quyết dôi dư của cơ quan có thẩm quyền.

**Phương án 2:** Cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc lộ trình giải quyết cán bộ, công chức, viên chức dôi dư theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì được hưởng trợ cấp bằng 1/2 tháng lương hiện hưởng. Riêng đối tượng có số tháng nghỉ trước so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II Nghị định số 135/2020/NĐ-CP thấp hơn so với lộ trình giải quyết cán bộ, công chức, viên chức dôi dư theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì số tháng được hưởng trợ cấp được tính bằng số tháng nghỉ trước so với tuổi nghỉ hưu nêu trên.

+ Ưu điểm: Ngoài trợ cấp tinh giản được hưởng thì đối tượng này thêm một mức trợ cấp tính theo lương hiện hưởng của mình. Nếu lộ trình giải quyết dôi dư là 05 năm và hệ số lương trung bình là 3,66 thì trung bình mỗi người được hưởng trợ cấp khoảng 197.640.000 đồng (3,66 x 1.800.000 đồng x 1/2 x 60 tháng). Mức

trợ cấp này sẽ khuyến khích được đối tượng tinh giản biên chế nghỉ trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp.

+ Nhược điểm: Ngân sách sẽ chi trợ cấp cho đối tượng này lớn; đồng thời, mỗi người sẽ có mức trợ cấp khác nhau dẫn đến có sự so sánh giữa các đối tượng.

Căn cứ ưu điểm, nhược điểm của 02 phương án nêu trên, Bộ Nội vụ đề nghị thực hiện theo phương án 1 để nhằm khuyến khích, hỗ trợ một cách thỏa đáng đối với cán bộ, công chức, viên chức dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã nghỉ ngay theo đúng chủ trương của Bộ Chính trị và của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ngoài ra, dự thảo còn quy định trên cơ sở cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành chính sách hỗ trợ đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

### **III. GIẢI TRÌNH VÀ TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP**

...

### **IV. VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ**

...

Bộ Nội vụ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

**BỘ TRƯỞNG**

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Bộ trưởng;
- TT Nguyễn Trọng Thừa;
- Lưu VT, TCBC (05 bản).

**Phạm Thị Thanh Trà**